

患者氏名/ :
患者ID/ :

Tiếng Việt/ Vietnamese / ベトナム語

Hướng dẫn sử dụng Hệ thống thanh toán trực tiếp Trợ cấp một lần khi sinh con và chăm sóc trẻ em/Explanation of the Direct Payment System for the Childbirth Lump-Sum Allowance

/出産育児一時金の直接支払制度の利用に関する説明書

“Trợ cấp một lần khi sinh con là gì?”

/What is “The Childbirth Lump-Sum Allowance”/出産育児一時金とは

Nếu bạn sinh con và bạn (được bảo hiểm/người phụ thuộc) có bảo hiểm y tế công cộng của Nhật Bản, bạn đủ điều kiện nhận Trợ cấp Sinh con một lần (Số tiền sẽ thay đổi tùy thuộc vào loại chính sách bồi thường mà tổ chức y tế của bạn áp dụng từ Hệ thống bồi thường sản khoa Nhật Bản.)

/If you give birth to a child and you (insured/dependent) have Japanese public health insurance, you are eligible to receive the Childbirth Lump-Sum Allowance. (The amount will vary depending on what type of indemnification policy your medical institution has from The Japan Obstetric Compensation System.)

/日本の公的医療保険の加入者（被保険者・被扶養者）が出産した場合、出産育児一時金等として政令で定める金額が支給されます。（金額は、あなたの分娩機関が産科医療保障制度に加入しているかどうかで異なります。）

“Hệ thống thanh toán trực tiếp cho trợ cấp sinh con một lần” là gì?

/What is “The Direct Payment System for the Childbirth Lump-Sum Allowance”

/出産育児一時金等の医療機関への直接支払制度とは

Cơ quan y tế của bạn sẽ thay mặt bạn yêu cầu và nhận khoản thanh toán “Trợ cấp một lần khi sinh con” từ nhà cung cấp bảo hiểm y tế. Khoản tiền này bao gồm trợ cấp một lần cho việc sinh con của một thành viên trong gia đình và chi phí hỗ trợ lẫn nhau cho sự việc sinh con của người được bảo hiểm hoặc thành viên gia đình.

Để giảm bớt gánh nặng cho bạn, tất cả các thủ tục đăng ký cần thiết sẽ do tổ chức y tế của bạn xử lý. Ngoài ra, bạn không cần phải chuẩn bị trước một khoản chi phí lớn cho việc sinh con.

/Your medical institution will claim and receive the payment of “The Childbirth Lump-Sum Allowance” from your medical insurance provider on your behalf. This lump sum includes the lump-sum benefit for the childbirth of a family member and the mutual aid delivery expense for the childbirth of an insured person or a family member.

To reduce your burden, all the necessary application processes will be handled by your medical institution. Also, you do not have to arrange for a large amount for delivery costs in advance.

/医療機関等が日本の公的医療保険加入者（被保険者）に代わって、出産育児一時金（家族出産一時金、共済の出産費および家族出産費を含みます）の支給申請および受取を行う制度です。

手続きは、出産予定の医療機関等で行うため、手続き面の負担が軽減されます。また、あらかじめ多額の出産費用を用意しなくて済みます。

● Để cho quá trình xuất viện của bạn trở nên đơn giản và không căng thẳng, thông thường chúng tôi áp dụng hệ thống này tại bệnh viện này và bạn không phải trả thêm phí khi sử dụng hệ thống này.

/In order to make your hospital discharging process simple and stress free, generally we adopt this system at this hospital. There is no extra fee to use this system.

/当院では、退院時等の負担軽減のために、この制度を利用いただくことを原則としています。この手続きの手数料はかかりません。

患者氏名/ :
患者ID/ :

Tiếng Việt/ Vietnamese / ベトナム語

- Nếu tổng hóa đơn y tế từ bệnh viện của chúng tôi ít hơn tổng số tiền nguyên tắc là 500.000 yên/trẻ, bạn sẽ không cần phải thanh toán thêm bất kỳ khoản nào.

/If your total medical bill from our hospital is less than the principle lump sum of 500,000 yen/child, you will not need to make any additional payment.

/退院時に当院から請求する費用について、原則、1児につき50万円の一時金の範囲内で、支払う必要が無くなります。

- (i) Nếu chi phí sinh con lớn hơn 500.000 yên/trẻ, bạn sẽ phải thanh toán phần chênh lệch tại quầy thu ngân.

/If the delivery expenses are more than 500,000 yen/child, you will need to pay the difference at the cashier's desk.

/出産費用が1児につき50万円を超えた場合は、不足額を窓口でお支払い頂きます。

- (ii) Nếu tổng hóa đơn của bạn dưới 500.000 yên/trẻ, bạn có thể yêu cầu nhà cung cấp bảo hiểm y tế hoàn lại phần chênh lệch.

/If your total bill is less than 500,000 yen/child, you can claim a refund for the difference from your health insurance provider.

/出産費用が1児につき50万円未満の場合は、その差額を医療保険者に請求することができます。

- Nếu bạn nhận được các dịch vụ y tế được bảo hiểm y tế chi trả, chẳng hạn như sinh mổ, bạn phải tự chi trả 30% tổng chi phí y tế dưới dạng khoản đồng thanh toán. Tuy nhiên, khoản tiền sinh con một lần có thể được áp dụng để thanh toán khoản đồng thanh toán của bạn..

/If you receive medical services covered by health insurance, such as a Cesarean section, you are responsible for 30% of the total medical expense as your copayment. However, the childbirth lump sum can be applied to pay-off your copayment.

/帝王切開などの保険診療を行った場合は、診療費の3割の自己負担額が発生します。

一時金をこの3割負担額のお支払いにも充てさせていただきます。

- Nếu bạn không muốn sử dụng hệ thống này (Hệ thống thanh toán trực tiếp cho trợ cấp một lần khi sinh con), mà thay vào đó bạn muốn nhận trực tiếp số tiền một lần từ nhà cung cấp bảo hiểm của mình, bạn phải thanh toán đầy đủ tổng hóa đơn khi bạn xuất viện. Ngay cả khi bạn chọn không sử dụng hệ thống này, bạn vui lòng đánh dấu vào ô "Tôi sẽ không sử dụng" trên mẫu chấp thuận đính kèm và gửi đến bệnh viện chúng tôi. (Bạn sẽ cần một bản sao của mẫu chấp thuận khi yêu cầu thanh toán một lần từ nhà cung cấp bảo hiểm của bạn.)

/If you do not wish to take this option (The Direct Payment System for Childbirth Lump-Sum Allowance), but instead you want to receive the lump sum from your insurance provider directly, you must pay the total bill in full when you are discharged. Even if you choose not to take this option, please fill out the attached consent form and submit it. (You will need a copy of the consent form for your application.)

/この制度を利用せず、一時金を医療保険者から直接受け取りたい場合は、出産費用の全額を退院時に支払っていただかないといけません。なお、この制度を利用しない場合でも、別紙の合意書で、「利用しません」にチェックして、当院へ提出してください。医療保険者への一時金請求には、合意書控えが必要になります。

Đối với phụ nữ mang thai/To pregnant women/妊婦の方へお願い

- Khi làm thủ tục nhập viện xin vui lòng xuất trình Thẻ định danh cá nhân đã liên kết với bảo hiểm y tế hoặc giấy Chứng nhận tham gia bảo hiểm y tế.

/Present your My Number insurance certificate or eligibility certificate upon admission to the hospital.

/入院時にマイナ保険証又は資格確認書をご提示ください。

患者氏名/ :
患者ID/ :

Tiếng Việt/ Vietnamese / ベトナム語

- Nếu bạn cần các dịch vụ y tế chi phí cao được bảo hiểm y tế chi trả, chẳng hạn như sinh mổ, dựa trên kết quả khám thai của bạn, vui lòng đăng ký với nhà cung cấp bảo hiểm để xin “Giấy chứng nhận đủ điều kiện đăng ký số tiền trần GENDOGAKU TEKIYO NINTEISHO” và xuất trình giấy chứng nhận này cho chúng tôi. Nếu bạn không có giấy chứng nhận tại thời điểm nhập viện, vui lòng lấy được chứng nhận trước khi bạn xuất viện, nếu không số tiền phải trả có thể lớn hơn mức cần thiết.

/If you need high-cost medical services that are covered by health insurance, such as a Cesarean section, based on the results of your pregnancy check-up, please apply for an “Eligibility Certificate for Ceiling-Amount Application *GENDOGAKU TEKIYO NINTEISHO*” to your insurance provider, and submit this certificate to us. If you do not have it when you are admitted, please obtain it before you are discharged, otherwise the amount billed may be greater than necessary.

/妊婦健診などにより、帝王切開などの高額な保険診療が必要になった場合、加入されている医療保険者に「限度額適用認定証」を申請し、当院へその認定証をご提示ください。入院時に認定証を持っていない方は、退院時までに申請手続きをしてください。限度額適用認定証の提示がないと請求額が高額になることもあります。

患者氏名/ :
患者ID/ :

Tiếng Việt/ Vietnamese / ベトナム語

Thỏa thuận về việc sử dụng hệ thống thanh toán trực tiếp trợ cấp một lần khi sinh con và chăm sóc trẻ em

/The Acknowledgement for the Direct Payment System for the Childbirth Lump Sum

/出産育児一時金の直接支払制度の利用に関する合意書

Bằng văn bản này, tôi xác nhận rằng tôi đã được cung cấp những giải thích nêu trên về “Hệ thống thanh toán trực tiếp cho khoản tiền sinh con một lần”.

/I hereby acknowledge that I have been provided with the above explanations for “The Direct Payment System for the Childbirth Lump Sum”

/以上説明を受け、直接支払制度について理解しました。

☐ Tôi đã quyết định sử dụng Hệ thống thanh toán trực tiếp

/I have decided to take Direct Payment System

/直接支払制度を利用します。

☐ Không sử dụng hệ thống thanh toán trực tiếp

/Not to take Direct Payment System

/直接支払制度を利用しません。

Năm/Year/年 Tháng/Month/月 Ngày/Day/日

Người được bảo hiểm (chủ hộ) /Insured person (head of household) /被保険者（世帯主）氏名	
Người mẹ tương lai (nếu không phải là chủ hộ) /Expectant mother (if not head of household) /妊産婦氏名（世帯主でない場合）	
Ngày (hoặc ngày dự kiến) sinh (Năm/Tháng/Ngày) /Date (or expected date) of delivery (YYYY/MM/DD) /出産（予定）日	Năm/Year/年 Tháng/Month/月 Ngày/Day/日

* Thông tin cá nhân của bạn sẽ được xử lý theo quy định của bệnh viện.

/Your personal information will be handled in accordance with the regulations of the institution.

/患者さんの個人情報については院内の規定に基づき対応させていただきます。

本資料は、医師や法律の専門家等の監修をうけて作成されておりますが、日本と外国の言葉や制度等の違いにより解釈の違いが生じた際には、日本語を優先とします。

This English translation has been prepared under the supervision of doctors, legal experts or others. When any difference in interpretation arises because of a nuanced difference in related languages or systems, the Japanese original shall be given priority.

Tài liệu này được soạn thảo dưới sự giám sát của các bác sĩ, chuyên gia pháp lý, v.v.. Trong trường hợp có sự khác biệt trong cách giải thích do sự khác biệt về ngôn ngữ hoặc hệ thống giữa Nhật Bản và các quốc gia khác thì tiếng Nhật sẽ được ưu tiên.